

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày 20-8-2025

“V/v tranh chấp về lối đi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Huân

2. Ông Nguyễn Văn Tạo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Đàm Xuân Tân - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 tháng 7 và ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-TCDS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp về lối đi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS, ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Vô T; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết H; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Vô T: Chị Nguyễn Thị Tuyết H; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Xuân D; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân D: Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

- Cháu Nguyễn Trung P, cháu Nguyễn Hoàng N, cháu Nguyễn Kiều N; cùng địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Trung P, cháu Nguyễn Hoàng N, cháu Nguyễn Kiều N: Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

- UBND xã Q, tỉnh Quảng Trị

Người đại diện: Ông Trần Quang T - Chủ tịch UBND xã Q

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Quốc T - Phó Chủ tịch UBND xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H thống nhất trình bày: Về nguồn gốc thửa đất hiện gia đình anh chị đang ở là do bố mẹ vợ là ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T sang nhượng lại cho vợ chồng, thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/8/2017. Từ trước tới nay, gia đình anh chị chưa sử dụng con đường hiện đang tranh chấp. Tháng 6/2024, gia đình anh chị muốn mở cổng đi ra con đường này nhưng ông Diệu và bà Nghia không cho và đã xây dựng công trình trái phép trên con đường, không cho gia đình anh chị sử dụng lối đi ra, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, làm mất an ninh trật tự. Theo bản đồ địa chính thì con đường thể hiện rất rõ là đường giành cho mọi gia đình cùng được sử dụng. Chính quyền địa phương mời hai gia đình lên đề giải quyết, tuy nhiên gia đình ông D, bà N không chấp hành. Vợ chồng anh chị đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N phải tháo dỡ hàng rào dài 08m, cao 1,2m và cửa cổng cao 2,2m, dài 2,3m trên lối đi chung để gia đình anh chị sử dụng lối đi chung. Gia đình anh chị có nguyện vọng mở cửa ra đường đi và sẽ hỗ trợ, bồi thường cho ông D, bà N để gia đình anh chị có lối đi ra. Nếu ông D, bà N không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày: Về nguồn gốc thửa đất của ông bà là do bố mẹ để lại. Ông bà kết hôn vào năm 1992 và ở chung cùng bố mẹ. Năm 1999, ông bà làm nhà ở riêng nhưng khi đó chưa có đường đi và đi chung cùng ngõ nhà của bố mẹ cho đến năm 2009 thì mới mở con đường đi để vào nhà ông bà mà hiện nay xảy ra tranh chấp. Đường là do gia đình ông bà tự bỏ đất mở đường để đi, ngoài đầu ngõ có bề ngang khoảng hơn 01m, bề ngang phía trong nhà khoảng 80cm. Tháng 4/2023, em gái ông bà là bà Nguyễn Thị M cho mượn khoảng 80cm để mở rộng thêm con đường cho rộng rãi đi lại. Từ sau khi mở đường đó đến nay chỉ có gia đình ông bà sử dụng con đường này. Đến tháng 6/2024, khi gia đình anh T, chị H xây nhà, mở đường ra đường nhà ông bà đi thì mới xảy ra tranh chấp. Con đường này là do gia đình ông bà tự mở chứ không phải là con đường do Nhà nước mở, hay là con đường đi chung của người dân. Gia đình anh T, chị H không đi con đường này.

Con đường này từ sau khi mở đường, gia đình ông bà đã 03 lần nâng cấp, cải tạo và sử dụng, không có ai sử dụng chung. Trước khi anh T, chị H làm nhà thì chính quyền địa phương có mời vợ chồng ông bà vào giải quyết và ông bà có vào tham gia. Ý kiến phía UBND xã Q đưa ra phương án hòa giải các bên trao đổi về việc góp đất làm đường đi chung nhưng anh T, chị H không thực hiện. Sau đó xây nhà hết đất nên gia đình ông bà không đồng ý cho anh T, chị H đi chung trên con đường này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho gia đình ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Về nguồn gốc thửa đất của gia đình bà là do bố mẹ để lại. Trước khi con đường này xem là đường giao thông thì phần đất này thuộc đất của bố mẹ bà trong sổ đỏ. Bố mẹ bà đã trích ra một phần để làm lối vào nhà vợ chồng ông D, bà N. Nay bản đồ thể hiện là đường giao thông. Năm 2023, gia đình bà làm nhà nhận thấy đường vào nhà của ông D, bà N quá hẹp nên gia đình ông D, bà N đã mượn một phần đất để làm con đường đi cho rộng. Bà chỉ đồng ý cho vợ chồng ông D, bà N sử dụng phần đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Q có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án: Đề nghị Tòa án liên hệ và yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Khu vực I để được cung cấp các tài liệu lịch sử, biến động địa chính, bản đồ liên quan đến các thửa đất tranh chấp số 184, 185 và 154 theo tờ bản đồ số 21 tại thôn X, xã Q, huyện Q (nay là: thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị). Đối chiếu với bản đồ địa chính xã Q được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình (cũ) phê duyệt năm 1993 và Bản đồ địa chính mới đo đạc lại theo hiện trạng sử dụng đất năm 2011, thì thửa đất số 185 và thửa đất 154 tờ bản đồ 21 được cấp đổi từ thửa đất 208 và 208.A tờ bản đồ số 10 năm 1993 còn thửa đất số 184 được cấp đổi từ thửa đất số 248 tờ bản đồ số 10. Con đường được hình thành theo hiện trạng do người dân tự mở lối đi nhưng không có căn cứ xác định phần đất mở lối đi này

thuộc đất của ai trước kia. Tuy nhiên, hiện tại phần đất này đã được thể hiện là đất giao thông (DGT) và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là đất giao thông. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, xem xét cho phép UBND xã được vắng mặt tại phiên tòa.

** Đại diện VKSND khu vực 3 phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng. Đương sự ủy quyền đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, quyết định việc giải quyết vụ án theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 246, 248 và Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H về việc “Tranh chấp về lối đi” đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N. Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N phải tháo dỡ hàng rào dài 08m, cao 1,2m và cửa cổng cao 2,2m, dài 2,3m trên lối đi chung để gia đình anh chị mở lối đi chung. Vì vậy, xác định đây là “Tranh chấp về lối đi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là TAND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị) theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Xuân D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt. Đương sự ủy quyền đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, quyết định việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1.1] Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 21 tại thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị) mang tên ông Nguyễn Vô T và bà Nguyễn Thị Tuyết H có nguồn gốc là đất của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị

T (là bố mẹ của chị H) tặng cho từ thửa đất số 248 tờ bản đồ số 10. Trước khi được tặng cho đất cũng như hiện tại, gia đình ông L, bà T cũng như anh T, chị H sử dụng bằng công, ngõ đi khác, lối đi khác và hiện tại gia đình vẫn đang đi bằng công, lối đi từ trước đến nay. Các bên đương sự sử dụng công, ngõ đi, lối đi riêng, không liên quan, không tranh chấp. Chỉ đến tháng 6/2024, khi anh T, chị H xây nhà mới trên phần đất thuộc thửa đất số 184, tờ bản đồ số 21 và biết bản đồ thể hiện đường giao thông nên mong muốn được mở cổng nhà mới hướng ra lối đi vào nhà của ông D, bà N thì mới xảy ra tranh chấp.

[2.1.2] Hiện tại trên thửa 184, tờ bản đồ số 21 tại thôn X, xã Q, tỉnh Quảng Trị có 02 ngôi nhà của phía gia đình nguyên đơn và vẫn đang sử dụng bằng công, ngõ đi từ trước đến nay sử dụng. Anh T, chị H thừa nhận, gia đình anh chị không biết con đường vào nhà ông D, bà N được hình thành từ thời gian nào và gia đình anh chị cũng chưa từng sử dụng con đường này. Chỉ khi làm nhà (tháng 6/2024) mới biết đây là đường giao thông nên muốn mở cổng đi ra lối này. Con đường đi mà các bên tranh chấp chỉ có một mình gia đình ông D, bà N sử dụng để đi ra đường giao thông. Anh T, chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là lối đi chung của các gia đình, các hộ dân.

[2.1.3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ”. Mặc dù phía nguyên đơn xây dựng nhà mới nhưng ngôi nhà này đang trong cùng một thửa đất và gia đình anh T, chị H cũng như bố mẹ mình vẫn có lối đi khác và đang sử dụng lối đi chính, tiếp giáp đường giao thông mà từ trước đến nay vẫn sử dụng. Bất động sản của nguyên đơn không bị vây bọc bởi bất động sản của bị đơn và các chủ sử dụng đất khác liền kề. Việc mở lối đi ra đường mà ông D, bà N đang sử dụng không phải là lối đi duy nhất để vào nhà của phía nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn không có quyền hưởng quyền, không thuộc trường hợp bắt buộc bị đơn phải mở lối đi theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét ý kiến, đề nghị của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 185, tờ bản đồ số 21 mang tên ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N là do bố mẹ là cụ Nguyễn T và cụ Nguyễn Thị T để lại. Được tách ra từ thửa đất số 208, tờ bản đồ số 10. Năm 1999, ông D, bà N làm nhà ở riêng nhưng khi đó chưa có đường đi và đi chung với ngõ nhà của bố mẹ. Sau khi làm nhà ở thì đến năm 2003, ông D, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi tách thửa sử dụng thì chỉ có con đường đất để đi vào nhà ông D, bà N. Năm 2010, ông D, bà N tiếp tục làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ. Theo sơ họa ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/11/2009 thể hiện con đường đất vào thửa đất của ông D, bà N. Tại bản đồ năm 2011 của xã Q, huyện Q thể hiện là đường giao thông.

[2.2.2] Như vậy, mặc dù trên bản đồ năm 2011 của xã Q, huyện Q thể hiện đây là đường giao thông, tuy nhiên nguồn gốc hình thành con đường này vốn dĩ được trích ra từ một phần diện tích đất từ thửa đất số 208, tờ bản đồ số 10 của cụ Nguyễn T và cụ Nguyễn Thị T. Thửa đất của cụ Nguyễn T và cụ Nguyễn Thị T được tách ra thành 02 thửa tặng cho con là ông Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn An L (là chồng của bà M trước khi chết). Do không có đường đi vào nhà nên gia đình đã tự mở đường và sử dụng đường bằng đất của bố mẹ để lại để đi vào nhà. Con đường đã được gia đình ông D, bà N cải tạo, nâng cấp nhiều lần. Đây không phải là con đường có sẵn, không phải là lối đi chung của các hộ dân, mà chỉ duy nhất là đường vào nhà của ông D, bà N, do gia đình tự bỏ đất của mình ra để làm và sử dụng.

[2.2.3] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, hồ sơ, tài liệu liên quan thì con đường hiện vào nhà ông D, bà N chỉ có diện tích đất 8.35m^2 , bề ngang giáp sân nhà ông D, bà N rộng 0.85m , bề ngang phía ngoài cổng giáp đường giao thông rộng 1.2m . Như vậy, diện tích cũng như bề ngang đường là hẹp, không thuận tiện, không phù hợp cho việc các gia đình mở cổng nhà và sử dụng làm lối để lưu thông, lối đi chung.

[3.2] Mặt khác, như đã nhận định tại các mục trên, thửa đất số 208, tờ bản đồ số 10 của cụ Nguyễn T và cụ Nguyễn Thị T được tách ra thành hai thửa và sang tặng cho các con. Ban đầu không có đường đi vào nhà ông D, bà N, sau đó, gia đình đã trích (bỏ) ra một phần đất trong thửa đất để làm đường, sử dụng đi ra đường giao thông. Theo bản đồ địa chính xã Q, huyện Q số 10, năm 1993 thể hiện không có đường giao thông, không thể hiện có lối đi mà các bên hiện đang tranh chấp. Điều 246 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định về căn cứ xác lập quyền đối với bất động sản liền kề: “Quyền đối với bất động sản liền kề được xác lập do địa thế tự nhiên, theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận hoặc theo di chúc”. Do thửa đất và diện tích đất lối đi có nguồn gốc của bố mẹ ông D, bà N để lại và đến nay ông D, bà N vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng liên tục nên có căn cứ xác định diện tích đất lối đi này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông D, bà N. Cho nên, việc ông D, bà N xây dựng hàng rào, cửa, cổng trên lối đi là hợp pháp.

[3.3] Đối với phần lối đi và phần đất có diện tích 12.7m^2 , tiếp giáp với nhà bà Nguyễn Thị M theo như ông D, bà N, bà M trình bày là do gia đình bà Nguyễn Thị M cho ông D, bà N mượn để mở rộng thêm con đường đi cho rộng rãi, dễ đi lại. Kết quả xem xét thẩm định, kết quả đo vẽ, tài liệu, chứng cứ thể hiện phần diện tích đất này thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 21, thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị M mà không phải là phần đất thể hiện đường giao thông. Do vậy, ý kiến này của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở, hoàn toàn thống nhất, phù hợp, đúng quy định.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định, đánh giá trên, xét thấy ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, không có chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, do vậy, không được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng tạm thu của nguyên đơn là 7.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.900.000 đồng, còn lại 2.100.000 đồng. Đối với số tiền còn lại 2.100.000 đồng đã được giao trả lại cho nguyên đơn. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, vì vậy nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.900.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 246, 248 và Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H về việc buộc ông Nguyễn Xuân D và bà Nguyễn Thị N phải tháo dỡ hàng rào dài 08m, cao 1,2m và cửa cổng cao 2,2m, dài 2,3m trên lối đi chung để gia đình anh chị sử dụng mở lối đi chung.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.900.000 đồng. Số tiền trên được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Vô T và chị Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu số 0002156, ngày 05/11/2024.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/8/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc Thực